TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST Ngày 15-5-2026 *V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Kim Thêu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Tuấn;

2. Bà Vi Thị Hoà.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Lý Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị V, sinh năm 1982; số CCCD: 020182005186, ngày cấp: 04/7/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mông Văn H, sinh năm 1983; số CCCD: 020083009324, ngày cấp: 03/4/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/01/2026, các bản khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Vi Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị và anh Mông Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn) ngày 15/12/2002. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau

khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh Mông Văn H thường xuyên đánh đập chị, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện nay, tuy anh chị chung sống cùng nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù tại thời điểm kết hôn anh Mông Văn H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nhưng hiện nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Mông Văn H, không yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mông Vi D, sinh ngày 22/8/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Mông Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026, phương thức cấp dưỡng vào ngày mùng 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Do bận công việc đi làm xa không thể đến tham dự phiên toà, ngày 13/5/2026 chị Vi Thị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Mông Văn H nhưng anh Mông Văn H không tham gia phiên toà. Ngày 13/5/2026 anh Mông Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai anh Mông Văn H trình bày: Quá trình kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Vi Thị V khai là đúng. Vợ chồng anh và chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn) ngày 15/12/2002. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay, anh chị tuy chung sống cùng nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù tại thời điểm kết hôn anh chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nhưng nay chị Vi Thị V xin ly hôn anh nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị V và không yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mông Vi D, sinh ngày 22/8/2008. Khi ly hôn anh đồng ý để chị Vi Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị V và bị đơn anh Mông Văn H vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Vi Thị V và anh Mông Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn) ngày 15/12/2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Theo tài liệu, chứng cứ chị Vi Thị V cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N và Công an xã N thì anh Mông Văn H sinh ngày 25/12/1983; tại trích lục kết hôn số 39 ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã N và Giấy đăng ký kết hôn số 86 ngày 15/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện anh Mông Văn H sinh năm 1982 là chưa chính xác. Như vậy, thời điểm đăng ký kết hôn ngày 15/12/2002 anh Mông Văn H được 18 tuổi 11 tháng 20 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc dù tại thời điểm kết hôn anh Mông Văn H chưa đủ tuổi kết hôn nhưng sau đó đã đủ điều kiện kết hôn, nguyên đơn chị Vi Thị V và bị đơn Mông Văn H không ai đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật, như vậy có căn cứ công nhận quan hệ hôn nhân của các đương sự và giải quyết vụ án theo thủ tục ly hôn. Qua lời trình bày của chị Vi Thị V, anh Mông Văn H, anh chị đều thừa nhận mâu thẫn phát sinh từ năm 2024, hiện nay tuy vẫn sống chung nhưng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Vi Thị V yêu cầu ly hôn, anh Mông Văn H nhất trí. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8, Điều 11, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Mông Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mông Vi D, sinh ngày 22/8/2008. Khi ly hôn chị Vi Thị V yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Mông Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Mông Văn H nhất trí, cháu Mông Vi D có nguyện vọng ở cùng mẹ. Căn cứ vào ý kiến của chị Vi Thị V, anh Mông Văn H cũng như nguyện vọng của con chung cháu Mông Vi D thấy rằng việc giao cháu Mông Vi D cho chị Vi Thị V nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phù hợp với mong muốn của các đương sự và con chung, nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Mông Vi D cho chị Vi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mông Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Đương sự không yêu

cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị V và anh Mông Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị V và bị đơn anh Mông Văn H vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Mông Văn H cư trú tại thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Vi Thị V và anh Mông Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn) ngày 15/12/2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Theo tài liệu, chứng cứ chị Vi Thị V cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N và Công an xã N thì anh Mông Văn H sinh ngày 25/12/1983; tại trích lục kết hôn số 39 ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã N và Giấy đăng ký kết hôn số 86 ngày 15/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện anh Mông Văn H sinh năm 1982 là chưa chính xác. Như vậy, thời điểm đăng ký kết hôn ngày 15/12/2002 anh Mông Văn H được 18 tuổi 11 tháng 20 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc dù tại thời điểm kết hôn anh Mông Văn H chưa đủ tuổi kết hôn nhưng sau đó đã đủ điều kiện kết hôn, nguyên đơn chị Vi Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Mông Văn H và bị đơn Mông Văn H đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thi V1, không ai đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật, như vậy có căn cứ công nhận quan hệ hôn nhân của các đương sự và giải quyết vụ án theo thủ tục ly hôn. Qua lời trình bày của chị Vi Thị V và anh Mông Văn H, anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh từ năm 2024, hiện nay tuy vẫn sống chung nhà nhưng anh chị không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Vi Thị V yêu cầu ly hôn, anh Mông Văn H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Vi Thị V và anh Mông Văn H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mông Vi D, sinh ngày 22/8/2008. Khi ly hôn chị Vi Thị V yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung, anh Mông Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026, phương thức cấp dưỡng vào ngày mùng 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Mông Văn H đồng ý để chị Vi Thị V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Mông Văn H cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào ý kiến của chị Vi Thị V và anh Mông H cũng như nguyện vọng của con chung cháu Mông Vi D, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu Mông Vi D cho chị Vi Thị V nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phù hợp với mong muốn của các đương sự và con chung, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Vi Minh D1 cho chị Vi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Mông Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ18 tuổi; phương thức cấp dưỡng vào ngày mùng 10 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026. Anh Mông Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh Mông Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

[8 Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 11, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc

hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vị Thị V2 được ly hôn với anh Mông Văn H *(Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2002 ngày 15/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mông Vi D cho chị Vi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Mông Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng vào ngày mùng 10 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026. Anh Mông Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước. Anh Mông Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chi Vi Thị V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000249, ngày 28/01/2026 ngày 28/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn.

5 Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Kim Thêu